| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SƠN ĐỘNG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày 23-12-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Ngát.

Bà Nguyễn Thị Bắc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Khiết - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đàm Văn S**, sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán chí; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Đàm Văn B, sinh năm 1968 và bà: Nịnh Thị T, sinh năm 1965; Bị cáo có 04 anh em, bị cáo là thứ nhất; Có vợ: Trần Thị M, sinh năm 1990 và con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* **Trần Thị M**, sinh năm 1990. (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. **Trần Thị G**, sinh năm 1988. (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. **Đàm Thu H**, sinh năm 2016. (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện hợp phái cho cháu Đàm Thu H: Chị Trần Thị M, sinh năm 1990. (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Phúc L, sinh năm 1956. (Có mặt).
2. Bùi Thị D, sinh năm 1960. (Có mặt).
3. Trần Thị Đ, sinh năm 1981. (Có mặt).
4. Đàm Văn B1, sinh năm 1972. (Có mặt).
5. Đàm Văn B2, sinh năm 1968. (Vắng mặt).
6. Nịnh Thị T, sinh năm 1965. (Có mặt).

Đều ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Văn S và chị Trần Thị M cùng trú tại thôn N, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang là vợ chồng và có 02 con chung là cháu Đàm Anh T1 và cháu Đàm Thu H. Do mâu thuẫn vợ chồng, S và chị M sống ly thân từ năm 2021; chị M đi làm công nhân tại khu công nghiệp huyện Y, tỉnh Bắc Ninh không về nhà chăm sóc, nuôi dưỡng các con; Sáng một mình chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con.

Ngày 30/5/2024, chị M biết cháu H được nghỉ hè nên đi về thôn N, xã A, huyện S để đón cháu H xuống huyện Y, tỉnh Bắc Ninh chơi. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, chị M về đến nhà S nhưng không thấy cháu H đâu nên đi sang nhà bà Nịnh Thị T ở cùng thôn N (mẹ đẻ Sáng, ở cạnh nhà S) tìm đón cháu H. Chị M nói với bà T cho đón cháu H về rồi nhờ ông Trần Phúc L ở thôn N, xã A (bố đẻ chị M) chở chị M và cháu H ra chợ xã V, huyện S để đón xe khách đi về tỉnh Bắc Ninh.

Khoảng 11 giờ 10 cùng ngày 30/5/2024, S đi làm về không thấy cháu H ở nhà và biết việc chị M đón cháu H đi nhưng không bảo gì với S. Do bực tức về việc chị M bỏ đi làm ăn, không quan tâm, chăm sóc các con và về đón cháu H mà không nói gì với S nên S về nhà lấy 01 con dao có kích thước (35,5x6)cm, phần cán dao hình trụ tròn, chất liệu bằng gỗ kích thước (11,5x3)cm, phần thân dao bằng kim loại, dao có đầu tù và có một lưỡi sắc kích thước (24x6)cm để ở gác ba ga xe mô tô BKS 98L1- 195.23, S đội mũ bảo hiểm rồi điều khiển xe mô tô đuổi theo tìm chị M. Khi đến khu chợ V thuộc thôn P, xã V, huyện S, S thấy chị M, cháu H và ông L đứng trên hành lang đường Quốc lộ 31 (theo hướng xã V đi xã L, huyện S) để đón xe. Sáng dừng đỗ xe cách chỗ chị M đứng khoảng 01 mét và hỏi chị M việc về đón cháu H đi nhưng không bảo gì Sáng, chị M không nói gì thì S lấy mũ bảo hiểm đang đội trên đầu ném về phía chị M làm trúng vào vùng thái dương. Sáng bảo chị M và cháu H đi về nhà nói chuyện nhưng chị M không đồng ý. Sáng đi ra xe mô tô lấy con dao mang đi từ trước quay lại chỗ chị M. Thấy vậy, ông L can ngăn thì bị S đẩy ra, S

dùng tay trái túm áo, kéo lôi chị M làm chị M ngã xuống đất. Lúc này, S đứng đối diện trước mặt chị M, tay phải cầm dao, dùng sống dao (phần không có lưỡi sắc) đánh hai cái vào vùng đỉnh đầu chị M (chị M đang đội mũ vải) và bắt chị M về nhà nói chuyện thì chị M đồng ý. Sáng để dao ở gác ba ga xe rồi quay lại dùng tay phải tát 01 cái vào mặt và dùng chân phải đá 01 cái vào mông cháu H. Sau đó, S bảo chị M, cháu H lên xe để S chở về (cháu H ngồi giữa, chị M ngồi phía sau). Trên đường đi về, S dùng tay trái đấm 01 cái vào vùng mặt chị M và cầm dao gõ phần sống dao ngược từ trước về sau, từ trên xuống dưới vào vùng đầu của chị M làm chị M bị chảy máu. Chị M bảo S chở đi viện nhưng S không đồng ý và chở chị M, cháu H về nhà.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, S chở chị M và cháu H về đến nhà, S mang dao cất vào bếp rồi quay ra ngoài sân ngồi nói chuyện với chị M. Lúc sau, ông Đàm Văn B và bà T (là bố mẹ đẻ của Sáng); ông L, bà Bùi Thị D (là bố mẹ đẻ của chị M); bà Trần Thị Đ ở cùng thôn N (là họ hàng với S) đến khuyên S đưa chị M đi viện. Sau đó, chị Trần Thị G ở thôn N (là chị gái của chị M) đi đến xem vết thương của chị M và định lấy điện thoại ra quay phim, chụp ảnh vết thương của chị M để làm bằng chứng. Thấy vậy, S bảo chị G không được quay phim, chụp ảnh nhưng chị G không nghe vẫn lấy điện thoại ra thì S chạy vào bếp lấy con dao đã dùng để đánh chị M trước đó ra dọa đánh chị G thì được mọi người can ngăn; chị G cất điện thoại và đi bộ ra phía cổng để đi về thì S chạy theo dùng chân đạp 01 cái vào lưng chị G làm chị G ngã úp mặt xuống nền đất, sỏi và bị gãy 1/2 chiếc răng cửa hàm trên (R11), sưng nề, bầm tím trên người. Sau đó, chị M, được mọi người đưa đến đến bệnh viện kiểm tra và điều trị (chị M đi điều trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh B; chị G tự đi điều trị tại Trung tâm y tế huyện S).

Ngày 29/7/2024 và ngày 18/8/2024, chị M, chị G trình báo vụ việc và có đơn đề nghị xử lý đối với Đàm Văn S về hành vi đánh gây thương tích.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ 01 con dao, có kích thước (35,5x6)cm, phần cán dao hình trụ tròn, chất liệu bằng gỗ kích thước (11,5x3)cm, phần thân dao bằng kim loại, dao có đầu tù và có một lưỡi sắc kích thước (24x6)cm; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa màu xanh có kính chắn gió phía trước; 01 xe mô tô BKS 98L1-19523.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 159 ngày 28/6/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh B đối với thương tích của chị Trần Thị Minh xác Đ: "*Chị M vào viện ngày 30/5/2024, ra viện ngày 03/6/2024. Tình trạng lúc vào: Bệnh nhân tỉnh, da, niêm mạc hồng nhạt, không phù, không xuất huyết dưới da, đau đầu, không nôn; 01 vết thương vùng đỉnh bên trái dài xấp xỉ 05cm đã khâu; 01 vết thương vùng đỉnh bên phải dài xấp xỉ 02cm đã khâu; 01 vết sưng nề gò má bên phải kích thước 03x03cm; 01 vết sưng nề vùng thái dương bên phải kích thước 03x03cm; cổ, ngực, khung chậu vững, tứ chi vững, bụng mềm không chướng, không có điểm đau khu trú. Tình trạng lúc ra viện: Bệnh nhân tỉnh, đỡ đau đầu, không nôn, không liệt thần kinh khu trú*".

Tại Giấy chứng nhận thương tích ngày 03/6/2024 của Trung tâm Y tế huyện S đối với thương tích của Trần Thị G xác định: "*Chị Trần Thị G vào viện ngày 30/5/2024, ra viện ngày 03/6/2024. Tình trạng lúc vào: Người bệnh đau nhiều nơi; vùng trán bên trái sưng nề, bầm tím KT 04x04cm, xước da nhẹ; Vùng gò má phải và bên trái có khối bầm tím KT 03x04cm, xước da nhẹ; Vùng đùi và gối bên trái có khối sưng nề nhẹ, xước da 05x06cm; Vùng cánh tay trái có vết xước da tấy đỏ KT 04x06cm; Gãy răng R11. Tình trạng lúc ra viện: Người bệnh tỉnh, đỡ đau các vùng chấn thương, các vết thương xước da khô, gãy răng 11"*.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trưng cầu giám định thương tích, cơ chế hình thành thương tích đối với chị Trần Thị M, Trần Thị G, kết quả:

**** Đối với thương tích của chị Trần Thị M:***

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 2571 ngày 27/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B, kết luận:

"*1. Dấu hiệu chính qua giám định:*

*- Thương tích vết sẹo vùng đỉnh trái kích thước nhỏ: 1%*

*- Thương tích vết sẹo vùng đỉnh phải kích thước nhỏ: 1%*

*- Thương tích chạm thương gò má phải không còn dấu vết: 0%*

*- Thương tích chạm thương vùng thái dương phải không còn dấu vết: 0%*

*2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Thị M tại thời điểm giám định là: 02% (Hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư*

*3. Kết luận khác: Không xác định được cơ chế hình thành thương tích trên cơ thể Trần Thị M. Vật gửi giám định ra bản kết luận riêng"*.

Bản kết luận giám định vật gây thương tích số 2571B ngày 30/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B, kết luận: *"Con dao gửi giám định (có kích thước 35,5x6cm; phần cán dao hình trụ tròn, chất liệu bằng gỗ kích thước 11,5x3cm, phần thân dao bằng kim loại, dao có đầu tù và có một lưỡi sắc kích thước 24x6cm) gây được các thương tích cho Trần Thị M; Mũ bảo hiểm màu xanh, có kính chắn gió màu trắng gửi giám định gây được thương tích vết sưng nề gò má bên phải, vết sưng nề vùng thái dương bên phải cho Trần Thị M"*.

**** Đối với thương tích của chị Trần Thị G:***

Bản Kết luận giám định số 2570 ngày 28/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B, kết luận:

*"1. Dấu hiệu chính qua giám định:*

*- Thương tích chạm thương trán trái không còn dấu vết: 0%*

*- Thương tích chạm thương gò má phải và gò má trái không còn dấu vết: 0%*

*- Thương tích gãy răng 1.1 đã lắp răng giả: 2%*

*- Thương tích chạm thương vùng đùi và gối trái không còn dấu vết: 0%*

*- Thương tích chạm thương vùng cánh tay trái không còn dấu vết: 0%.*

*2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Thị G tại thời điểm giám định là: 02% (Hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.*

*3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích do vật tày gây nên".*

Quá trình điều tra, Đàm Văn S thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên. Cơ quan điều tra đã cho S thực nghiệm điều tra diễn lại hành vi khi thực hiện hành vi phạm tội; kết quả Sáng thực hiện thuần thục hành vi đánh gây thương tích cho chị M.

Đối với việc Đàm Văn S dùng chân đạp vào người chị Trần Thị G làm chị G ngã xuống nền bê tông, gây thương tích 02%, hành vi của S không cấu thành tội "Cố ý gây thương tích". Công an huyện S đã xử phạt hành chính đối với Sáng bằng hình thức phạt tiền; chị G nhất trí.

Đối với Đàm Văn S có hành vi dùng chân tay đánh cháu Đàm Thu H nhưng cháu H không bị thương tích và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

* Từ những nội dung nêu trên, bản Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Đàm Văn S về tội "*Cố ý gây thương tích*" quy định tại điểm a khoản 1. Điều 134-Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật, người bị hại Trần Thị M đề nghị bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, người liên quan Trần Thị G đề nghị bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Giữa bị cáo, bị hại và người liên quan không thống nhất được mức bồi thường.

* Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Đàm Văn S và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm Điểm a, Khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 65- Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đàm Văn S từ 08 đến 10 tù về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 đến 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đàm Văn S cho UBND xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47- Bộ luật Hình sự; Điều 106- Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao, có kích thước (35,5x6)cm, phần cán dao hình trụ tròn, chất liệu bằng gỗ kích thước 11,5x3cm, phần thân dao bằng kim loại, dao có đầu tù và có một lưỡi sắc kích thước 24x6cm và 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa màu xanh có kính chắn gió phía trước được niêm phong bằng dấu của Trung tâm pháp y tỉnh B;

Trả lại bị cáo Đàm Văn S 01 xe mô tô BKS 98L1-19523 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hàn án

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, đối đáp với quan điểm của Viện kiểm sát. Bị hại và người liên quan đề nghị xem xét, xử bị cáo nghiêm theo quy định của pháp luật và tịch thu chiếc xe máy tô BKS 98L1-19523

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 293-Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội và áp dụng pháp luật hình sự đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Đàm Văn S khai do bực tức về việc chị Trần Thị M (vợ của Đàm Văn S) bỏ đi làm ăn, không chăm sóc các con và về nhà đón cháu Đàm Thu H là con gái ruột đi chơi nhưng không bảo gì với Sáng; ngày 30/5/2024, bị cáo đã có hành vi dùng chân tay, dùng dao (là hung khí nguy hiểm) đánh vào người, đầu chị M làm chị M bị thương tích phải đi bệnh viện điều trị. Theo kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Thị M là 02% (hai phần trăm). Do vậy hành vi gây

thương tích nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, khoản 1, Điều 134- Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động và bản Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã truy tố bị cáo Đàm Văn S về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1, Điều 134- Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án, nhân thân, các các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ do vậy cần có mức hình phạt nghiêm theo quy định của BLHS tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêp trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và xin lỗi bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền tại Chi cục Thi hành án huyện Sơn Động để khắc phục bồi thường cho người bị hại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hiện đang nuôi dưỡng hai con nhỏ đối chiếu với Điều 65 BLHS; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để thể hiện chính sách hoan hồng của Đảng và nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đàm Văn S đã nộp số tiền 10.000.000 theo biên lai thu số: 0003348 ngày 23/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động để khắc phục bồi thường cho chị Trần Thị M. Tại phiên tòa bị hại chị M đề nghị bị cáo bồi thường tổng số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo đề nghị giải quyết mức bồi thường theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 584 và Điều 590 BLDS năm 2015 thì chị M sẽ được bồi thường những khoản tiền sau:

- Tiền Viện phí chị M đi điều trị đã thanh toán cho bệnh viện là: 5.000.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của chị M và 1 người chăm sóc của chị M trong thời gian năm viện là 5 ngày nằm viện x với 250.000 đồng/ ngày x 2 người = 2.500.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của chị M trong 07 ngày không làm việc được sau khi ra viện là: 250.000đồng x 07 ngày = 1.750.000 đồng

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần với tỷ lệ thương tích là 2% tương đương với 02 tháng lương tối thiểu là phù hợp 2 tháng x 2.340.000 đồng/ tháng = 4.680.000 đồng.

- Tiền thuê xe đi về = 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Đàm Văn S phải bồi thường cho chị Trần Thị M = 15.930.000 đồng. Xét thấy bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng, cần tiếp tục buộc bị cáo S phải bồi thường cho chị M số tiền 5.930.000đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao, có kích thước (35,5x6)cm, phần cán dao hình trụ tròn, chất liệu bằng gỗ kích thước 11,5x3cm, phần thân dao bằng kim loại, dao có đầu tù và có một lưỡi sắc kích thước 24x6cm và 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa màu xanh có kính chắn gió phía trước được niêm phong bằng dấu của Trung tâm pháp y tỉnh B là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 xe mô tô BKS 98L1-19523 không trực tiếp dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Đàm Văn S nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi Đàm Văn S dùng chân đạp vào người chị Trần Thị G làm chị G ngã xuống nền bê tông, gây thương tích 02%. Do tỷ lệ phần trăm thương tích của chị G nhẹ hành vi của bị cáo không cấu thành tội "Cố ý gây thương tích". theo quy định tại Điều 134- Bộ luật Hình sự. Ngày 07/11/2024, Công an huyện S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đàm Văn S về hành vi "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự" số tiền 6.500.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 7- Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với hành vi Đàm Văn S dùng chân tay đánh cháu Đàm Thu H nhưng cháu H không bị thương tích và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với việc chị Trần Thị G yêu cầu bị cáo Đàm Văn S bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các bên không thống nhất thỏa thuận được mức bồi thường. Cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[8] Về án phí: Bị cáo Đàm Văn S là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47- Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333- Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đàm Văn S 10 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 08 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/12/2024). Giao bị cáo Đàm Văn S cho UBND xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 590 BLDS năm 2015 Buộc bị cáo Đàm Văn S phải bồi thường cho chị Trần Thị M số tiền 15.930.000 đồng. Xác nhận bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0003348 ngày 23/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, bị cáo tiếp tục buộc bị cáo bồi thường số tiền 5.930.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao, có kích thước (35,5x6)cm, phần cán dao hình trụ tròn, chất liệu bằng gỗ kích thước 11,5x3cm, phần thân dao bằng kim loại, dao có đầu tù và có một lưỡi sắc kích thước 24x6cm và 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa màu xanh có kính chắn gió phía trước được niêm phong bằng dấu của Trung tâm pháp y tỉnh B;

Trả lại bị cáo Đàm Văn S 01 xe mô tô BKS 98L1-19523 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hàn án

**4.** Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đàm Văn S.

**5.** Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Ngát** **Nguyễn Thị Bắc** **Nguyễn Văn Hiếu**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Công an huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- UBND xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hiếu**